

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 04-9-2020

V/v tranh chấp yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Tấn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Minh X**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1988 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số N, ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bà **Trần Kim B**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3.3. Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1981 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.4. Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông **Giang Vũ K**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi công tác: Hội cựu chiến binh xã Vĩnh L, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

4.2. Ông **Dương Văn Kh**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh L, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2019 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Minh X trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng, do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông và bà L tranh chấp ly hôn và yêu cầu chia tài sản. Đã được Tòa án huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo bản án số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 29/9/2016. Tại bản án nêu trên Tòa án đã chia cho ông được sở hữu tài sản là 01 chiếc máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota – DC60 do ông đang quản lý, sử dụng ông hoàn tiền đủ cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc máy số tiền 100.000.000 đồng. Trước khi xảy ra việc ly hôn với bà L, vào năm 2015 ông đầu máy gặt đập liên hợp Kubota DC 60 tại nhà của vợ chồng ông Trần Văn L, bà Trần Thị A, vào khoảng 01 giờ sáng ngày 24/4/2015, bà A phát hiện có người đứng trên máy gặt đập liên hợp, bà A kêu chồng là ông L bật đèn lên thì thấy Trần Văn Đ từ trên máy nhảy xuống và chạy mất hút. Khi ông về kiểm tra máy thì phát hiện mất tài sản gồm 01 cục bơm thủy lực HST trị giá 30.000.000 đồng và 01 cặp dây coro bị đứt trị giá 1.500.000 đồng. Ông có trình báo sự việc cho Công an xã Vĩnh L và Công an cho rằng sự việc không có dấu hiệu tội phạm do là sản chung của vợ chồng nên không khởi tố vụ án. Sau khi tài sản bị mất và hư hỏng ông đã bỏ tiền riêng của ông để mua và lắp lại như ban đầu. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông giá trị tài sản bị thiệt hại với số tiền 31.500.000 đồng.

Theo tờ tường trình ngày 28/9/2019 và ngày 12/11/2019 bị đơn ông Trần Văn Đ có lời trình bày:

Nội dung ông X trình bày trong đơn khởi kiện là không đúng và ông không đồng ý toàn bộ. Ông không lấy bất cứ thứ gì trên máy của ông X, việc ông X nêu trong đơn cho rằng ông lấy mô tua và coro của ông X bán lấy tiền tiêu xài ông X không có gì để chứng minh. Từ trước đến nay ông không lấy đồ của ông X, cũng chưa bao giờ lấy mô tua máy gặt hay dây coro gì của ông X.

Theo tờ tường trình ngày 30/9/2019 và lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông X là vợ chồng, trước đây đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn và chia toàn bộ sản chung, giữa bà và ông X không còn tài sản chung nào khác chưa chia. Ông X được Tòa án chia cho sở hữu máy gặt đập liên hợp Kubota DC 60 và đã hoàn cho bà đủ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản số tiền 100.000.000 đồng. Việc khởi kiện của ông X đối với ông Đ và bà để yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bà không đồng ý vì nội dung đơn khởi kiện không đúng sự thật, bà hoàn

toàn không biết sự việc, từ trước đến nay cũng không nghe ông X nói về sự việc trên. Việc ông Đ có lấy đồ của ông X không bà cũng không biết và cũng không liên quan. Việc ông X sửa chữa máy gặt đập liên hợp như thế nào và tiền từ đâu bà cũng không rõ. Nay không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X.

Theo tờ tường trình ngày 25/7/2019 và lời khai tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim B trình bày:

Việc khởi kiện của ông X bà không đồng ý vì nội dung đơn khởi kiện không đúng sự thật, bà không biết sự việc trên và không có đến trình báo với Công an xã Vĩnh L như ông X trình bày. Việc ông Đ có lấy đồ của ông X hay không bà cũng không biết và không liên quan đến bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A, ông Trần Văn L vắng mặt tại Tòa án nên không có lời trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn số tiền 31.500.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tài sản, án phí buộc bị đơn ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa ông Đ, bà A, ông L đều có đơn xin vắng mặt. Người làm chứng ông Giang Vũ K, ông Dương Văn Kh đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau trong việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông X yêu cầu bị đơn ông Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L bồi thường thiệt hại về tài sản thuộc quyền sở hữu của ông là 02 bộ phận trên máy gặt đập liên hợp Kubota – DC 60 gồm 01 (một) cục bơm thủy lực (HST) trị giá 30.000.000 đồng và cặp dây Curoa trị giá 1.500.000 đồng. Theo biên bản định giá ngày 06/8/2020 của Hội đồng định giá thì tổng tài sản bị thiệt hại 01 cục bơm thủy lực (HST), cặp dây Curoa của máy gặt đập liên hợp Kubota DC60 và công lắp đặt có tổng giá trị 31.500.000 đồng. Bị đơn ông Đ và

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án đến nay, bị đơn ông Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L đều phản bác và không đồng ý toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không có lấy hoặc làm hư hỏng tài sản của ông X.

[2.3] Xét chứng cứ trong vụ án, thấy rằng: Theo biên bản ghi lời khai vào hồi 15 giờ 20 phút, ngày 30/10/2017 tại ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng của Công an huyện Thạnh Trị do Tòa án trích lục (bút lục 82 – 83) thể hiện ông Đ có lời khai thừa nhận rằng: *“Cách đây khoảng 03 năm lúc đó cái máy gặt lúa loại máy gặt đập liên hợp được để trên nhà của ông L. Thì tôi có đi lên nhà ông L để tháo cục bơm thủy lực của máy cắt để đem về nhà do tôi đi lấy cục bơm vào ban đêm nên không có ai thấy. Do thời gian lâu quá nên tôi không nhớ rõ cụ thể ngày tháng năm nào. Tôi chỉ mở máy ra để lấy cục bơm máy cắt chứ không có lấy gì khác...Lúc tôi đi lấy cục bơm máy cắt thì tôi đi lấy một mình do mẹ tôi kêu đi lấy về...Sau khi tôi tháo lấy cục bơm máy cắt đem về để ở nhà của tôi ở ấp X, xã Vĩnh L thì để được một thời gian thì mẹ của tôi là bà L đem đi bán được khoảng hơn 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) số tiền này mẹ tôi để mua thuốc uống để trị bệnh. Thời điểm tôi lấy cục bơm máy cắt lúc đó máy cắt là tài sản của gia đình tôi... Tôi đồng ý khắc phục lại cục bơm máy cắt cho ông X. Loại máy cắt của gia đình tôi là loại máy DC 60. Khi tôi khắc phục lại cục bơm máy cắt thì đúng theo dòng máy mà gia đình tôi sử dụng trước đó. Còn phần ông X có thay đổi kết cấu máy như thế nào thì tôi hoàn toàn không chịu trách nhiệm...”*.

[2.4] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L trình bày không biết sự việc ông Đ lấy đồ của ông X. Tuy nhiên, theo biên bản ghi lời khai vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 31/10/2017 tại ấp X, xã Vĩnh L, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng của Công an huyện Thạnh Trị do Tòa án trích lục (bút lục 80 – 81) thể hiện bà L có lời khai thừa nhận rằng: *“Cách đây khoảng ba bốn năm rồi tôi có kêu con tôi là Đ lấy cục bơm về để bán kiếm tiền uống thuốc... Tôi bán cục bơm đó khoảng 05 đến 06 triệu gì đó và tôi không nhớ rõ...Lúc đó tôi ra chợ Hưng L bán lại cho người nào đó tôi cũng không nhớ...Trong thời gian tới tôi sẽ tìm mua cục bơm khác để khắc phục lại.”*. Tại phiên tòa bà L lập luận lý do khai tại cơ quan Công an như trên, do thời điểm đó giữa bà với ông X có mâu thuẫn nên bà khai đại là bà có kêu ông Đ lấy tài sản trên, lập luận của bà L là chưa đủ sức thuyết phục.

[2.5] Xét lời khai của vợ chồng bà Trần Thị A và ông Trần Văn L tại các biên bản ghi lời khai ngày 08/12/2017 và ngày 07/12/2017 của Công an huyện Thạnh Trị do Tòa án trích lục (bút lục 70 – 71, 74 – 75) thể hiện nội dung: Bà A, ông L đều khai nhận thời điểm xảy ra vụ việc ông X có gửi ông, bà giữ chiếc máy gặt đập liên hợp của ông X và trong đêm xảy ra mất tài sản thì có thấy ông Đ từ chỗ máy cắt chạy ra, sau khi kiểm tra máy thì phát hiện mất cục bơm thủy lực và cặp dây Curoa bị cắt đứt.

[2.6] Xét lời khai người làm chứng ông Giang Vũ K, ông Dương Văn Kh thấy rằng, tại biên bản xác minh ngày 16/7/2020 ông K có lời khai: “Tôi giữ chức vụ Phó Trưởng Công an xã Vĩnh L từ năm 2011 đến tháng 03 năm 2020 thì chuyển qua làm Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Vĩnh L. Vào khoảng năm 2015 – 2016 ông Trần Minh X trú ấp X, xã Vĩnh L có đến Công an xã trình báo sự việc ông bị mất trộm cục bơm thủy lực của máy gặt đập liên hợp Kubota trị giá khoảng 42 đến 43 triệu đồng, ông X trình bày do vợ con ông X là bà Nguyễn Thị L và anh Trần Văn Đ lấy trộm. Tôi có mời bà L và anh Đ lên trụ sở làm việc, tại Công an xã bà L và anh Đ thừa nhận có tháo gỡ cục bơm thủy lực trên máy gặt đập của ông X...Tôi có yêu cầu anh Đ gắn lại máy nhưng anh Đ trình bày khi nào Tòa án giải quyết chia tài sản giữa ông X, bà L máy cắt thuộc về ai thì anh Đ sẽ gắn trả lại theo hiện trạng ban đầu”. Tại biên bản xác minh ngày 16/7/2020 ông Kh có lời khai: “...Khoảng năm 2015 – 2016 ông Trần Minh X có thuê tôi lắp “cục bơm thủy lực” trên máy gặt đập liên hợp Kubota của ông X, do thời điểm đó không có hàng của máy DC 60 nên tôi mua hàng lô của cục bơm thủy lực máy DC 70 lắp vào thay thế, giá máy và công lắp khoảng 21 – 22 triệu đồng. Do hàng lô nên giá trị không bằng cục bơm thủy lực trên máy cũ của ông X.”.

[2.7] Từ những lời khai trên đã có đủ cơ sở xác định, ông Trần Văn Đ chính là người đã trực tiếp lấy cục bơm thủy lực HST trên máy gặt đập liên hợp Kubota DC 60 được đậu ở nhà ông Trần Văn L, bà Trần Thị A, việc ông Đ lấy tài sản trên đã làm thiệt hại về tài sản và ông X phải bỏ chi phí để thay thế các tài sản bị thiệt hại là có thật.

[2.8] Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2016/HNGĐ-ST ngày 29/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, giải quyết về việc ly hôn và chia tài sản khi ly hôn giữa ông X, bà L, bản án đã chia cho ông X, bà L mỗi người được sở hữu, quản lý, sử dụng nhiều tài sản, trong số đó ông X được quyền sở hữu, sử dụng một chiếc máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota dòng 60 đã được xác định giá trị còn lại là 200.000.000 đồng, ông X phải hoàn trả cho bà L giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc máy là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa cả ông X, bà L đều xác định toàn bộ tài sản đã được chia xong, bà L đã nhận 100.000.000 đồng giá trị chiếc máy. Ngoài ra, ông X, bà L không còn tài sản chung nào khác chưa được chia trong bản án nêu trên. Nên chiếc máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota – DC 60 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông X.

[2.9] Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định việc ông X bị thiệt hại về tài sản gồm cục bơm thủy lực (HST) và cáp dây Curoa của máy gặt đập liên hợp hiệu Kubota DC 60 là có thật và người trực tiếp gây thiệt hại tài sản của ông X không ai khác chính là bị đơn ông Trần Văn Đ. Nên tại phiên tòa ông X yêu cầu ông Đ bồi thường thiệt hại về tài sản theo giá tại biên bản định giá ngày 06/8/2020 của Hội đồng định giá thì tổng tài sản bị thiệt hại trị giá 31.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông X thiệt hại về tài sản số tiền 31.500.000 đồng.

[2.10] Xét yêu cầu của ông X về việc buộc bà L cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản thì thấy, đơn khởi kiện ông X không đặt ra yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông X yêu cầu bà L liên đới bồi thường thiệt hại, bà L không đồng ý thì ông X không đưa ra được căn cứ chứng minh bà L chính là người đã trực tiếp gây thiệt hại về tài sản của ông, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông X về việc buộc bà L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản.

[2.11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, buộc bị đơn ông Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông X tổng số tiền 31.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông X về việc buộc bà L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá tài sản số tiền 750.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí định giá số tiền 750.000 đồng theo quy định tại Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ông Đ nộp thì hoàn trả đủ 750.000 đồng cho ông X, do ông X đã nộp tạm ứng trước. Hoàn trả cho ông X tiền tạm ứng chi phí định giá nộp dư 200.000 đồng theo biên lai của Tòa án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không xử lý tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh X. Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho nguyên đơn ông Trần Minh X số tiền 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi ông Đ nộp thì hoàn trả đủ 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông Trần Minh X, do ông X đã nộp tạm ứng trước. Hoàn trả cho ông Trần Minh X tiền tạm ứng chi phí định giá nộp dư 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nhận tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Văn Đ nộp án phí số tiền 1.575.000 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Do nguyên đơn ông Trần Minh X được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp